

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định đối tượng cho vay chương trình nước sạch
và vệ sinh môi trường đối với các hộ gia đình định cư hợp pháp
thuộc khu vực đô thị (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 15/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ Tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004; Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức vay tín dụng tối đa thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài Chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh về việc quy định đối tượng cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường đối với các hộ gia đình định cư hợp pháp thuộc khu vực đô thị (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 822/BC-HĐND ngày 20/11/2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất việc quy định đối tượng cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường đối với các hộ gia đình định cư hợp pháp thuộc khu vực đô thị (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh Long An như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Các hộ gia đình định cư hợp

pháp thuộc khu vực đô thị (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh Long An chưa có nước sạch hoặc đã có nhưng chưa đạt quy chuẩn, chưa bảo đảm vệ sinh và hộ gia đình sau khi đã trả hết nợ vốn vay, có nhu cầu vay mới để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường đã sử dụng nhiều năm, bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

2. Mức vốn vay: Thực hiện theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 và Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

4. Xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Long An.

5. Thời hạn, điều kiện, thủ tục cho vay và bảo đảm tiền vay: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

6. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

Trường hợp các văn bản pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 06/12/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 20/12/2019./.

Nơi nhận

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c); Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh; UBND TP. HCM;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng (Phòng CT. HĐND - 2b);
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT; (TĐ). (15)

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạng